TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST
Ngày 18-4-2022
V/v *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phi Hùng
Ông Đặng Công Thắng

- Thư ký phiên toà: Bà Trương Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Võ Hồng Thắng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 19/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021, về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông Huỳnh Bá T,** sinh năm 1994. Địa chỉ: Số 41 đường N, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: **Bà Tran Kim T,** sinh năm 1996. Địa chỉ: 9608 Early Light Way, CA 95624, Hoa Kỳ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 3 năm 2021 và tại bản tự khai, nguyên đơn ông Huỳnh Bá T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Tran Kim T quen biết, tìm hiểu nhau vào năm 2012 và tự nguyện tiến đến hôn nhân, kết hôn vào ngày 27/12/2016 tại UBND quận S, thành phố Đà Nẵng; tổ chức tiến hành lễ cưới theo phong tục truyền thống. Sau khi cưới thì ông bà chung sống tại số 37 đường N, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Một tháng sau, bà Tran Kim T quay về Mỹ, còn ông vẫn sinh sống tại thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Thời gian đầu thì ông bà vẫn liên lạc với nhau sau đó thưa dần, vì khoảng cách địa lý nên tình cảm phải nhạt và bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 6 năm 2020 thì ông bà không còn liên lạc với nhau nữa, nay ông xác định không còn tình cảm nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Tran Kim T.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông xác định, vợ chồng không có con chung, tài sản chung, nợ chung.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Tran Kim T không có văn bản phản hồi cho Tòa án về yêu cầu xin ly hôn của ông Huỳnh Bá T, cũng như không đến tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Huỳnh Bá T đối với bà Tran Kim T. Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết. Án phí HNGĐ sơ thẩm, các chi phí tố tụng, ông Huỳnh Bá T phải chịu theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn ông Huỳnh Bá T, sinh năm 1994, địa chỉ: Số 41 đường N, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam và bị đơn bà Tran Kim T, sinh năm 1996, địa chỉ: 9608 Early Light Way, CA 95624, Hoa Kỳ nên vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo quy

định tại các Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình. Các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được áp dụng đối với yêu cầu xin ly hôn có yếu tố nước ngoài của nguyên đơn - ông Huỳnh Bá T và bị đơn - bà Tran Kim T, theo quy định tại Điều 122 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tống đạt, thông báo thụ lý vụ án của Tòa án cho bà Tran Kim T bằng đường ngoại giao theo Luật tương trợ tư pháp và yêu cầu bà Tran Kim T gửi văn bản phản hồi cho Tòa án; đồng thời thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; về thời gian, địa điểm mở phiên tòa, theo quy định tại Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Ngày 08/02/2022, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã nhận được Công văn số: 116/BTP-PLQT của Bộ Tư pháp về kết quả ủy thác tư pháp. Theo đó, Cơ quan có thẩm quyền của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ đã thực hiện được ủy thác tư pháp cho đương sự là bà Tran Kim T vào ngày 02/11/2021 bằng phương thức tống đạt hồ sơ trực tiếp cho đương sự.

[4] Tại phiên, bà Tran Kim T không có mặt, không có văn bản nếu ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của ông Huỳnh Bá T và vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, căn cứ điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Tran Kim T.

Ngày 15/4/2022 Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng nhận được Đơn xin xét xin vắng mặt của ông Huỳnh Bá T, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Huỳnh Bá T.

[5] Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Bá T và bà Tran Kim T tự nguyện kết hôn vào 27/12/2016 tại UBND quận S, thành phố Đà Nẵng, (số đăng ký 79/2016), đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo ông Bá T, sau khi kết hôn, ông và bà Tran Kim T chung sống với nhau được gần một tháng rồi bà T trở về Hoa Kỳ sinh sống, ông vẫn sinh sống tại Đà Nẵng - Việt Nam. Thời gian đầu vợ chồng vẫn liên lạc với nhau nhưng sau đó thưa dần, đến tháng 6 năm 2020 thì cắt đứt liên lạc, không còn quan tâm đến nhau dẫn đến tình cảm phai nhạt. Nay, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Tran Kim T.

Xét yêu cầu ly hôn của ông Huỳnh Bá T thấy: Hôn nhân giữa ông và bà Tran Kim T chỉ tồn tại về mặt hình thức, mỗi người sống mỗi nơi, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của ông Huỳnh Bá T đối với bà Tran Kim T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông Huỳnh Bá T xác định không có, bà Tran Kim T không có lời khai về vấn đề này, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoà và chi phí thực tế phát sinh ủy thác ra nước ngoài, ông Huỳnh Bá T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Huỳnh Bá T đối với bà Tran Kim T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Huỳnh Bá T được ly hôn đối với bà Tran Kim T.

2. Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Huỳnh Bá T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số: 002861 ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, ông T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

Ông Huỳnh Bá T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) lệ phí ủy thác tư pháp thu thập chứng cứ nhưng được khấu trừ vào tạm ứng đã nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) theo biên lai số: 002914 ngày 07/7/2021 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông Huỳnh Bá T phải chịu 200.000 đồng (Hai

trăm ngàn đồng) lệ phí ủy thác tống đạt nhưng được khấu trừ vào tạm ứng đã nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) theo biên lai số: 002915 ngày 07/7/2021 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Ông Huỳnh Bá T đã nộp đủ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

5. Ông Huỳnh Bá T không phải chịu chi phí thực tế phát sinh ủy thác ra nước ngoài. Hoàn trả cho ông Trí 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số: 002916 ngày 07/7/2021 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

6. Về chi phí dịch thuật và chứng thực: Ông Huỳnh Bá T phải chịu 1.460.000 đồng (Một triệu bốn trăm sáu mươi ngàn đồng), ông T đã nộp đủ theo Biên lai số 0014151 ngày 28/7/2021 của Phòng Tư pháp quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng và hóa đơn bán hàng số 0032106 ngày 28/7/2021 của Phòng Tư pháp quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, ông T đã nộp đủ.

7. Về chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp thanh toán cho cơ quan được ủy thác tư pháp: Ông Huỳnh Bá T phải chịu 95 USD (Chín mươi lăm Đô la Mỹ), ông T đã nộp đủ.

8. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Huỳnh Bá T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ; bị đơn bà Tran Kim T không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Cục Thi hành án dân sự TP. Đà Nẵng;
- UBND quận Sơn Trà;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Anh Tuấn